

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 8 – 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Huỳnh Văn Lơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; liên hệ tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trần Kim N và ông Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 10-7-2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau một đứa con chung tên Nguyễn Văn Vĩnh T, sinh ngày 19-10-2013, hiện đang sống chung với bà N. Do phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D;

- Về con chung: Yêu cầu giao cháu Nguyễn Văn Vĩnh T, sinh ngày 19-10-

2013 cho bà Trần Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 17-7-2024, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Kim N về quan hệ hôn nhân, con chung. Trong cuộc sống hàng ngày, do phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Tuy nhiên, ông không đồng ý giao con chung tên Nguyễn Văn Vĩnh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung bởi vì bà N chưa có chỗ ở ổn định, giao con cho bà N nuôi sẽ không đảm bảo. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ nguyện vọng ngày 20-5-2024, cháu Nguyễn Văn Vĩnh T, sinh ngày 19-10-2013 có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn, cháu xin được tiếp tục sống chung với mẹ là bà Trần Kim N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, bà Trần Kim N và ông Nguyễn Văn D đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bà N và ông D đều cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà Trần Kim N và ông Nguyễn Văn D có 01 con chung chưa thành niên là cháu

Nguyễn Văn Vĩnh T, sinh ngày 19-10-2013. Sau khi ly hôn, bà N và ông D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, vì mâu thuẫn vợ chồng nên hiện nay bà N đã dẫn theo cháu T trở về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà N. Môi trường sống và tình cảm của cháu T đã gắn bó với mẹ; đồng thời, sau khi cha mẹ ly hôn, cháu T có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ.

[5] Ông Nguyễn Văn D cho rằng bà N chưa có nơi ở ổn định nên không đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, ông không đưa ra được lý do nào khác cho thấy việc giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo và phù hợp hơn so với bà N. Mặc dù có thu nhập tốt hơn, ông Nguyễn Văn D cũng thừa nhận tại phiên tòa về công việc hiện tại của ông là chạy xe dịch vụ, thường xuyên đi vắng, nếu được nuôi con thì cháu T sẽ tự lo được việc ăn, ở và đi học. Ngược lại, cháu T thì đang được bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, nếu giao cháu T lại cho ông D nuôi dưỡng vào thời điểm này sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim N và ông Nguyễn Văn D được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Vĩnh T, sinh ngày 19-10-2013 cho bà Trần Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Kim N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005221 ngày 15-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Lâm